

VẤN ĐỀ CỦA CHỦ NGHĨA ĐỘC QUYỀN VÀ CHỦ NGHĨA ĐỊA PHƯƠNG TRONG QUAN ĐIỂM CỦA PHẬT GIÁO

TS. Amrita Nanda⁽¹⁾

TÓM TẮT

Chủ nghĩa bao quát và tư tưởng rộng rãi là những nguyên tắc cơ bản của giáo lý Phật giáo. Tuy nhiên, người ta có thể chứng kiến quốc tịch, dân tộc và văn hóa thường thay thế bản sắc Phật giáo trong số nhiều tín đồ của Phật giáo. Nhiều Phật tử gắn bó quá mức với quốc tịch hoặc giá trị văn hóa của riêng họ làm phát sinh chủ nghĩa độc quyền và chủ nghĩa địa phương. Điều này thể hiện rõ trong số các Phật tử châu Á. Một điều chúng ta thường thấy ở phương Tây là Phật tử châu Á có trung tâm cho quốc tịch hoặc dân tộc của họ. Trong các trung tâm này, các khía cạnh văn hóa chiếm ưu thế hơn so với thực hành Phật Pháp. Do đó, các trung tâm này thường tự cô lập với cộng đồng địa phương và người dân từ các nền văn hóa và dân tộc khác nhau.

Một khía cạnh khác của chủ nghĩa địa phương là sự miễn cưỡng tham gia đối thoại với các truyền thống tôn giáo lớn trên thế giới hoặc giữa các giáo phái Phật giáo khác nhau. Chẳng hạn, cuộc thảo luận song phương giữa những người theo Phật giáo Theravāda và Mahāyāna không phải là rất hiếm. Điều này dẫn đến nhiều hiểu lầm giữa những người theo hai truyền thống. Sự miễn cưỡng phát sinh từ việc không thể nhìn mọi thứ từ một quan điểm rộng hơn.

1. Lecturer of the Centre of Buddhist Studies, The University of Hong Kong, Hong Kong
 Người dịch: Trang Nguyễn

Điều này dẫn đến việc thiếu sự hợp tác lẫn nhau giữa hai truyền thống Phật giáo. Một khía cạnh khác của chủ nghĩa địa phương là mù quáng theo dõi các giáo viên và chấp nhận mọi thứ mà một giáo viên cụ thể nói là đúng và tuyệt đối. Và xây dựng một cộng đồng trong những người theo giáo viên cụ thể đó và bị cô lập với những người khác. Câu hỏi đặt ra là, chủ nghĩa độc quyền và chủ nghĩa địa phương của cộng đồng Phật giáo có dẫn đến các xã hội Phật giáo bền vững trong thế kỷ 21 hay dẫn đến sự không bền vững? Nếu về sau, những trở ngại là gì và những gì có thể là giải pháp? Bài viết này thảo luận về vấn đề chủ nghĩa độc quyền và chủ nghĩa địa phương và một số nguyên nhân cơ bản dẫn đến chủ nghĩa độc quyền và chủ nghĩa địa phương.

1. GIỚI THIỆU

Khi tôi đến thăm các quốc gia Phật giáo phi truyền thống, đặc biệt là ở phương Tây, tôi rất ngạc nhiên khi thấy rằng hầu hết các tu viện Phật giáo ở các hạt ở phương Tây hầu như chỉ là trung tâm của người di cư châu Á. Ví dụ, các tu viện Phật giáo Sri Lanka ở phương Tây, chỉ có tín đồ Phật giáo Sri Lanka có mặt. Tình trạng cũng tương tự như vậy đối với các tu viện ở Thái Lan và Trung Quốc. Và thiếu vắng sự hiện diện của những người dân địa phương như thường thấy.

Để Phật giáo tiếp tục tồn tại và có thể có một tác động lớn hơn trên thế giới, nó phải tiếp cận với phần lớn người dân. Phật giáo sẽ không bền vững với những lý tưởng vĩ đại, hiện thân triết học và tâm lý cao cả của nó, nhưng sẽ phụ thuộc vào những người theo đạo, những Phật tử cam kết ẩn náu trong Tam Bảo. Rõ ràng, có vẻ như Phật giáo đang phát triển rất tốt ở phương Tây khi ngày càng nhiều tu viện Phật giáo được xây dựng. Tuy nhiên, quan sát cẩn thận sẽ thấy rằng những biểu tượng bên ngoài này không phải là dấu hiệu của việc thành lập Phật giáo ở phương Tây. Sự vắng mặt của cộng đồng địa phương cho thấy rằng Giáo pháp không hấp dẫn cộng đồng địa phương. Đây có thể là thất bại của chúng tôi trong việc truyền đạt đạo lý của Dhamma và rằng họ quá chú trọng vào các khía cạnh văn hóa của Phật giáo hơn là tinh thần của Phật giáo. Chúng tôi phải điều tra các nguyên nhân cơ bản cho những vấn đề này và tìm cách giải quyết điều này, nếu không, hy vọng của Phật

giáo bên ngoài các nước truyền thống sẽ bị mai một. Không chỉ ở các quốc gia Phật giáo phi truyền thống, như Tỳ kheo Bodhi trong bài viết của ông “*Tăng đoàn ở Ngã Tư Đường*” chỉ ra rằng Phật giáo sẽ phải đối mặt với rất nhiều thách thức để tồn tại ở các quốc gia Phật giáo truyền thống. Tôi ở hơn chín năm tại một quốc gia Phật giáo truyền thống như Sri Lanka và hơn tám năm với truyền thống Phật giáo Mahāyāna ở Hồng Kông, tôi nhận thấy rằng có rất nhiều quan niệm sai lầm trong số những người theo hai truyền thống Phật giáo lớn. Tuy vậy, không có sự hợp tác lẫn nhau giữa các truyền thống chính của Phật giáo, truyền thống Mahāyāna và truyền thống Theravāda.

2. ĐỘC QUYỀN

Chủ nghĩa độc quyền trong bối cảnh tôn giáo là một hình thức của chủ nghĩa cơ bản tôn giáo. Đó là một thái độ cứng nhắc rằng những gì người ta tin là sự thật tuyệt đối. Trong các diễn ngôn của Phật giáo, điều này được định nghĩa là chỉ điều này đúng, tất cả những thứ khác là sai (*idaṃ eva saccaṃ moghaṃ aññaṃ*) hoặc vượt qua quan niệm của con người (*idaṃ saccābhinivesa*). Trong bài viết này, thuật ngữ này được sử dụng để chỉ thái độ cứng nhắc truyền thống của Phật giáo đối với các nghi lễ Phật giáo và các khía cạnh văn hóa xã hội và quan điểm không thích nghi về các giá trị văn hóa xã hội mới.

Tôi nghĩ, vấn đề chính mà các Phật tử truyền thống phải đối mặt, là sự phân biệt tinh thần của Phật pháp từ nền văn hóa và nghi thức đã phát triển trong một thời gian dài ở các quốc gia Phật giáo truyền thống. Mặc dù tinh thần của pháp cộng hưởng với thế giới hiện đại và phù hợp với tất cả mọi người, không phân biệt sự khác biệt về xã hội, văn hóa và tâm lý ở các địa điểm khác nhau, nhưng Phật giáo truyền thống dự kiến theo truyền thống Phật giáo châu Á có thể đụng độ với các nền văn hóa và giá trị hiện đại ở phương Tây. Người phương Tây hiện đại, những người có nền tảng văn hóa xã hội và giáo dục khác nhau, có thể không cảm nhận được sự đa dạng của nền văn hóa liên quan đến nghi lễ của Phật giáo truyền thống.

Tinh thần của Phật giáo về cơ bản là một sự giải thoát khỏi những đau khổ về thể chất và tâm lý. Dựa vào nó, Phật giáo, nhằm mục đích thiết lập một xã hội đạo đức; nơi mọi người thực hiện lòng tốt và yêu thương nhau. Tự do hào phóng và quan tâm đến hạnh phúc bản thân và hạnh phúc cộng đồng. Cuối cùng, nơi không có sự phân

biệt giữa phúc lợi của bản thân và phúc lợi của người khác. Tuy nhiên, những lý tưởng này không thể được trình bày theo cách trừu tượng. Thay vào đó, Phật giáo đã phải sử dụng truyện ngụ ngôn, ví von, các khía cạnh văn hóa và xã hội mà mọi người trong môi trường đã quen thuộc. Theo dòng thời gian, nhiều hình thức nghi lễ và nghi lễ Phật giáo khác nhau đã phát triển đồng hóa các giá trị văn hóa và tâm lý địa phương với Phật giáo. Chúng được sử dụng như những thiết bị phù hợp để làm cho Giáo pháp trở nên dễ hiểu đối với mọi người. Những ví von, truyện ngụ ngôn, nghi lễ và khía cạnh văn hóa của Phật giáo không có giá trị phổ quát, có nghĩa là chúng có thể áp dụng cho mọi người và mọi nơi. Nhưng, Giáo pháp là phổ quát và vượt thời gian và không gian (*akālika*). Tinh thần thiết yếu của Pháp là hiệu quả và áp dụng cho mọi người không phân biệt vị trí địa lý và chênh lệch múi giờ. Nói cách khác, chúng ta phải thay đổi phương pháp diễn dịch tinh thần của Giáo pháp cho khán giả về không gian và thời gian. Chúng ta phải hiểu rằng các thế hệ trẻ ở phương Tây có nguồn gốc xã hội, văn hóa, và thái độ tâm lý khác nhau. Do đó, các khía cạnh văn hóa và nghi lễ của Phật giáo đã được phát triển ở phương Đông từ lâu sẽ không hấp dẫn họ. Họ sẽ không cảm thấy Giáo pháp phù hợp với cuộc sống của họ. Họ có nhu cầu tâm lý khác nhau. Nếu chúng ta chọn bỏ qua nhu cầu của họ, tiếp tục với phương pháp cũ và coi những phương pháp truyền thống và khía cạnh văn hóa đó là sự thật thì tương lai của Phật giáo sẽ không sáng sủa lắm. Đối với bất kỳ tôn giáo nào để duy trì, nó nên thích ứng với sự thay đổi trong môi trường và thời gian mới.

Các bài giảng Phật giáo chứa thái độ thích nghi này. Ví dụ, trong văn học Phật giáo tiếng Phạn, có dạy về Bốn điều y cứ (*catvāri pratiśaraṇāni*):

i. Dựa vào ý nghĩa, không phụ thuộc vào lời nói (*artha-pratiśaraṇatā na vyañjana-pratiśaraṇatā*).

ii. Dựa vào trí tuệ, không phụ thuộc vào kiến thức (*jñāna-pratiśaraṇatā na vijñāna-pratiśaraṇatā*).

iii. Dựa vào bài văn có ý nghĩa rõ ràng, không phụ thuộc vào bài văn mà ý nghĩa của nó không được rõ ràng (*nīta-artha-pratiśaraṇatā na neya-artha-pratiśaraṇatā*).

iv. Dựa vào giáo pháp, không phụ thuộc vào cá nhân (*phāp-pratiśaraṇatā na pudgala-pratiśaraṇatā*).

Bốn nền tảng tín nhiệm này có thể đáp ứng như là một phương pháp để giải quyết những vấn đề của chủ nghĩa địa phương và chủ nghĩa cá nhân độc quyền. Dựa trên bốn nền tảng ấy thì điều đầu tiên và điều cuối cực kì có liên quan đến cuộc thảo luận ngay bây giờ của chúng ta. Nền tảng tín nhiệm thứ nhất, kinh pháp có ý nghĩa là phụ thuộc vào nghĩa (artha), chứ không phải ở ký tự (na uñjana). Thuật ngữ artha có thể bao gồm cả linh hồn. Chính vì thế mà nền tảng tín nhiệm thứ nhất nhắc nhở chúng ta rằng hãy nên tin tưởng vào bên trong tâm hồn của Giáo pháp, không phải chỉ ở mặt từ ngữ. Nền tảng này ngụ ý rằng chúng ta không thể tin tưởng mù quáng vào những con chữ trong kinh Phật như một cách dạy tuyệt đối của đức Phật thậm chí cả khi chúng có xuất hiện trong những bài diễn thuyết của các tín đồ Phật giáo. Chúng ta phải hiểu rõ những ngụ ý từ sâu trong tâm hồn mà những bài diễn thuyết truyền đạt. Ở đây, những chữ cái hay từ ngữ bao gồm cả truyền thuyết, hay các phương pháp luận dạy học của tín đồ Phật giáo. Những câu chuyện hay truyền thuyết ấy hoặc cả những từ ngữ được sử dụng để giải thích Giáo pháp không thể mang lại được tuyệt đối ý nghĩa bản chất của sự thật. Họ giống như những đốt ngón tay chỉ đến mặt trăng. Mà mặt trăng lại mang ý nghĩa là tâm hồn. Nếu một người dành ra quá nhiều sự chú ý cho điều gì đó, thì họ có thể sẽ không tìm ra được bản chất cốt lõi của Giáo pháp là gì. Nhân tố cuối cùng nhắc chúng ta nhớ rằng phải tin tưởng vào Giáo pháp, không phải ở con người (ý ở đây là những người thầy truyền đạt). Mặc dù từ «pudgala» có nghĩa là một cá thể nhưng trong bối cảnh này nó mang một hàm ý rộng, ở đây nó có thể bao gồm những người thầy, những bài văn hay truyền thống. Có nghĩa là chúng ta không nên chỉ đơn thuần tin rằng đó là nghĩa truyền thống hay văn hoá hoặc kể cả những bài văn, đúng hơn là ta nên nghiên cứu chúng cùng với một tâm hồn của Giáo pháp. Với những hàm ý này chúng ta có thể thay đổi những phương sách miễn là chúng ta có thể dịch nghĩa được theo tâm hồn của Giáo pháp.

Một cuộc khảo sát thận trọng về lịch sử của chủ nghĩa Phật giáo sẽ chỉ ra rằng suốt lịch sử ấy thì thái độ phù hợp này là được duy trì. Phật giáo có nguồn gốc ở Ấn Độ, là biểu tượng trong nhiều hoạt động văn hoá xã hội và quy mô tôn giáo. Khi tôn giáo ấy du hành đến nước ngoài, nó không mang theo những quy mô ấy. Chẳng hạn

như khi Phật giáo du hành đến Trung Quốc, nó được chú ý nhiều và được đồng hoá với những hoạt động văn hoá xã hội và quy mô tôn giáo của Trung Quốc để tạo nên một Giáo pháp thích hợp hơn với những người dân bản địa nhưng vẫn không làm mất đi bản chất tâm hồn của Giáo pháp. Cũng giống như vậy khi Phật giáo giới thiệu Phật pháp đến Tây Tạng, nó cũng được đồng hoá với những hoạt động văn hoá xã hội và quy mô tôn giáo ở đó. Bất kể nơi nào mà Phật giáo du nhập đến, nó đều được đồng hoá với nền văn hoá và khía cạnh xã hội ở đó mà vẫn không làm mất đi bản chất tâm hồn của Giáo pháp. Do đó, ngày nay chúng ta thấy được có rất nhiều hình thức khác nhau của Phật giáo như Phật giáo Trung Quốc, Phật giáo Tây Tạng, Phật giáo ở Nhật hay Phật giáo Sri Lanka. Nói cách khác thì khi du nhập đến bất cứ một quốc gia nào, chủ nghĩa Phật giáo đều không bao giờ từ chối sự đa dạng văn hoá ở đó để tạo nên một nền văn hoá khác. Giáo sư Karunadsa đã nhận xét rằng:

“...Chủ nghĩa Phật giáo thúc đẩy tính đa dạng văn hoá, do đó chủ nghĩa Phật giáo không trở thành một tôn giáo mang tính ràng buộc văn hoá. Điều này có nghĩa giống như một con chim bay từ nơi này sang nơi khác để lại đằng sau là chiếc lồng của nó, thậm chí hơn thế là Phật giáo có thể bay từ nơi này sang nơi khác, từ Hong Kong đến Mỹ, để lại phía sau là hành lý văn hoá của nó. Phật giáo là một nền tôn giáo rất thoáng và đa dạng. Phật giáo thậm chí không gây trở ngại đến đời sống cá nhân bằng việc áp đặt những hạn chế trong phạm vi đời sống của một người và không làm tổn hại người khác. Do đó, nó không quy định về trang phục và thức ăn hay việc kết hôn, v.v. Bởi vì những tín đồ Phật giáo sớm đã nhận được nền văn hoá và những nghi thức xã hội dần dần sẽ thay đổi từ vùng này đến vùng khác.

Khi cho Phật giáo du nhập đến các nước phương Tây, chúng ta nên hợp thức hoá nền văn hoá, giá trị xã hội và nhu cầu tâm lý của con người ở đó. Chúng ta phải bàn đến việc Giáo pháp theo cách của chúng ta cảm nhận về sự liên quan của giáo pháp. Chúng ta nên công nhận những giá trị văn hoá xã hội của họ mà vẫn không làm mất đi bản chất tâm hồn của Giáo pháp. Văn hoá xã hội và bối cảnh tâm lý của con người phương Tây rất khác so với truyền thống tín đồ Phật giáo phương Đông. Chúng ta phải thông hiểu tâm hồn của Giáo pháp theo nhiều khía cạnh mới có thể thu hút tín đồ ở những thời khác nhau. Đó không chỉ là trường hợp gặp phải ở các nước

phương Tây, mà thậm chí Giáo pháp sẽ không hấp dẫn với những thế hệ trẻ hiện đại của các tín đồ Phật giáo châu Á. Chúng ta phải thừa nhận rằng sự trôi đi của thời gian và sự thay đổi của điều kiện kinh tế - xã hội, khiến những nhu cầu tâm lý của con người cũng sẽ thay đổi theo. Nếu chúng ta không chèn thêm những điều nêu trên thì thế hệ trẻ sẽ cảm thấy rất mâu thuẫn giữa nền văn hoá hiện đại và Phật giáo. Khi đó thì thế hệ trẻ ấy sẽ chống lại hoặc sẽ không để tâm gì đến Giáo pháp, và nhắc đến Phật giáo giống như một nền chủ nghĩa lỗi thời, những thứ liên quan cũng trở nên không phù hợp với đời sống thực tại. Điều đó sẽ không giúp ích được cho sự phát triển bền vững của Giáo pháp.

Ở đây, chúng ta phải nhớ rằng các nghi lễ Phật giáo, các chuỗi văn hoá chỉ là hình thức bên ngoài của chủ nghĩa Phật giáo. Nếu chúng ta chú trọng đến chúng như một sự thật tuyệt đối không thể cải biên, điều đó không chỉ làm giảm bớt đi sự truyền bá cũng như sự tồn tại của giáo pháp, mà còn là một sự trở ngại cho việc thực hiện sự giải thoát cứu sinh độ thế. Chẳng hạn như trong vô số những bài viết ghi chép lại lời giáo huấn của đức Phật, có đề cập đến một người đã cắt bỏ 3 kiết sử (samyojanāni) để đạt tới cảnh giới được xem là giai đoạn đầu tiên để đạt được quả vị. Một trong 3 kiết sử ấy là sự chuyên tâm phi lý với các nghi thức và lời khấn (sīlabbatapāramāsa(6)). Một số học giả cho rằng Phật giáo ban đầu bác bỏ mọi hình thức nghi lễ, nghi thức. Việc đọc cẩn thận các bài giảng lúc đầu được bảo tồn trong Pāli Nikāya cho thấy những lập luận như vậy là vô căn cứ. Thay vào đó, chúng ta thấy chủ nghĩa Phật giáo luôn thích nghi với một vài nghi thức và nghi lễ trong phạm vi cho phép vì chúng phụ thuộc vào mục tiêu thiết yếu của Phật giáo. Thuật ngữ “sīlabbatapāramāsa” ngụ ý những chấp ngộ phi lý vào các nghi thức và mảng văn hoá của Phật giáo là sự thật tuyệt đối. Hay nói cách khác, đó là sự mê đắm với các nghi thức và mảng văn hoá của Phật giáo. Đó là một thái độ cứng nhắc đối với các nghi lễ. Những nghi thức được chấp nhận và sử dụng trong Phật giáo giống như những thiết bị để thông dịch tâm hồn trong Giáo pháp. Học thuyết về đồng phát sinh phụ thuộc cho thấy rằng bất kì chấp ngộ nào cũng dẫn đến sự u mê (tanhā - paccayā upādānam). Những sự u mê ấy được chia làm bốn loại: u mê khoái lạc nhục dục (kāmapādāna); u mê vào các nghi thức nghi lễ (sīlabbatūpādāna); u mê vào những quan

điểm (ditthūpādāna) và bám víu vào tự thuyết (attavādupādāna(7)). Do đó, chấp ngộ vào các hình thức bên ngoài thậm chí không hữu ích để nhận định ra bản chất của Giáo pháp.

3. CHỦ NGHĨA ĐỊA PHƯƠNG

Chủ nghĩa địa phương có nghĩa là “một tầm nhìn thu hẹp, đặc biệt là tập trung vào một khu vực địa phương; hẹp hòi. Trong bài viết này, thuật ngữ được sử dụng để chỉ sự thu hẹp của truyền thống Phật giáo hướng tới một đối tượng khác. Đặc biệt, là sự thu hẹp của truyền thống Phật giáo Thượng tọa bộ (Theravāda) và Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna). Có một sự thật là để phát triển và tiếp xúc một cách tốt hơn trên thế giới, thì điều cần thiết là sự hợp tác, sự tôn trọng và đánh giá cao giữa hai truyền thống. Mặc dù rõ ràng thì có vẻ như hai truyền thống này có sự giao thoa tốt, nhưng ở nơi của tôi - một đất nước thành trì của Phật giáo Thượng tọa bộ như Sri Lanka, và với một đất nước truyền thống Phật giáo Đại thừa là Hồng Kông, cũng như những nước tôi ghé thăm là Thái Lan, Đài Loan, Trung Quốc, Việt Nam, v.v. Tôi vẫn cảm thấy ở đó thiếu đi sự đánh giá và tôn trọng lẫn nhau. Chúng ta có nhiều những hiểu lầm hời hợt về nhau. Mặc dù vẫn còn một số lượng lớn các tu sĩ Phật giáo Thượng tọa bộ nắm giữ lòng tự trọng cao về truyền thống của riêng họ, cái gọi là “Phật giáo thuần túy nguyên thủy” hay “Chủ nghĩa Phật giáo nguyên thủy” thường có cách nhìn thiếu chính xác đối với Phật giáo Đại thừa. Mặc dù những điều này không được thảo luận cởi mở, nhưng quan điểm ấy cho rằng Phật giáo Đại thừa (Mahāyāna) không phải là Phật giáo chân chính hay sự chân chính không chiếm ưu thế bên trong đó. Vài năm trước, trong một cuộc trò chuyện với một học giả Phật giáo Thượng tọa bộ (Theravāda), tôi đã rất ngạc nhiên khi nghe định nghĩa của ông về Phật giáo Đại thừa như là một nền Phật giáo bị biến chất. Khi được hỏi về sự khẳng định ấy, ông cứ lặp đi lặp lại những khác biệt nhỏ về văn hoá và nghi thức giữa truyền thống Thượng tọa bộ và Đại thừa. Đây không phải là quan điểm của một cá nhân cụ thể, nhưng nhiều tu sĩ và phi tu sĩ Thượng tọa bộ cũng giữ quan điểm tương tự. Các tín đồ Phật giáo Thượng tọa bộ cố gắng tìm hiểu Phật giáo Đại thừa qua lăng kính riêng của họ, và họ chỉ cảm nhận được vỏ bọc, các hình thức bên ngoài của Phật giáo Đại thừa, như thức ăn, trang phục, nghi thức và các khía cạnh văn hoá của Phật giáo Đại thừa. Họ thấy những nghi thức và khía cạnh văn hoá này khác với những gì họ tin là Phật giáo.

Họ hoàn toàn không biết gì về sức sống bên trong và tinh thần của Phật giáo Mahāyāna vì họ không nhận thức được khía cạnh tôn giáo-xã hội của Phật giáo Mahāyāna.

Mặt khác, nhiều tín đồ của Mahāyāna có sự hiểu lầm lớn về Phật giáo Nguyên thủy. Họ cho rằng Phật giáo Nguyên thủy là tự tâm. Nó không quan tâm đến phúc lợi và giải phóng của người khác. Họ thường định nghĩa Phật giáo Nguyên thủy là «phương tiện thấp kém» (Hīnayāna). Điều này một lần nữa là bởi vì những người theo Phật giáo Mahāyāna không hiểu được tinh thần Phật giáo Nguyên thủy cũng như bối cảnh lịch sử và xã hội. Quan điểm như vậy là kết quả chấp nhận một cách mù quáng những từ ngữ trong một vài bài giảng tương đối của Mahāyāna mà không hiểu bối cảnh lịch sử đúng đắn của chúng. Đây là sự hiểu lầm cơ bản đối với Phật giáo Nguyên thủy. Bản chất của tất cả các hình thức Phật giáo là vượt lên trên lợi ích của bản thân. Làm thế nào có thể có Phật pháp trong tự tâm.

Ngay cả khi những tín đồ của Mahāyāna đọc văn học Mahāyāna được ra sớm nhất, họ sẽ cho thấy rõ rằng những người theo giáo phái Mahāyānist sớm thời đó không có thành kiến gì với Tăng đoàn tu sĩ truyền thống. Thay vào đó, họ rất kính trọng và ngưỡng mộ đối với Tăng thân truyền thống (Theravāda). Chẳng hạn, A.K Warder lập luận rằng Phật giáo Mahāyāna bắt đầu trong tăng đoàn tu sĩ, người được truyền cảm hứng rất lớn từ tinh thần tâm linh và những câu chuyện kiếp trước của Đức Phật Gotama lịch sử như được ghi lại trong các nguồn Pāli. Edward Conze và Jan Nattier đã chỉ ra rằng những người theo giáo phái Mahāyāna sớm đã rất tôn trọng tu sĩ truyền thống. Astasāhasarika-Prajñāpāmitā mô tả tu viện arahant-s là:

Dòng chảy khô cạn, không bị ô nhiễm, được kiểm soát hoàn toàn, được giải phóng trong trái tim của họ, được giải thoát tốt, khôn ngoan, được nuôi dưỡng kỹ lưỡng, con rắn lớn, công việc của họ đã hoàn thành, với nhiệm vụ của họ bị ràng buộc để bị dập tắt, trái tim của họ được giải thoát bằng cách hiểu đúng, kiểm soát hoàn hảo toàn bộ tâm trí của họ, v.v...

Ở Ugrapariprcchā, một Mahāyāna sūtra bất khuất khác, đời tu được đánh giá cao. Bồ-tát cư sĩ được khuyến nên tôn trọng, không chỉ là vị phật tử, mà ngay cả một thành viên tăng đoàn bình thường. Lay-Bodhisattva-s thậm chí còn được khuyến khích rời khỏi cuộc sống gia đình càng sớm càng tốt. Vì vậy, không sai khi kết luận rằng

Mahāyāna bắt đầu như một phong trào tâm linh với thành viên của tăng đoàn tu sĩ và cộng đồng cư sĩ tâm linh, những người được truyền cảm hứng rất nhiều từ những câu chuyện về cuộc đời của Đức Phật Gotama và sự nghiệp Bồ-tát của ông. Nếu các tín đồ của Phật giáo Mahāyāna và Theravāda tìm hiểu một cách cẩn thận như vậy, họ sẽ khám phá ra rằng cả hai truyền thống đều giống nhau về phương diện giảng dạy thiết yếu của Phật giáo. Nói cách khác, tất cả các hình thức của Phật giáo là sự bắt nguồn từ giáo lý Phật giáo sơ khai. Vì vậy, chúng tương tự nhau về bản chất của Phật giáo. Ví dụ:

i. Cả hai truyền thống thường chấp nhận rằng mục tiêu thần học tối thượng của Phật giáo là hoàn toàn vượt qua mọi sự không thỏa mãn và nhận ra Nibbāna.

ii. Cả hai truyền thống thường cho rằng giáo lý cơ bản của Phật giáo sơ khai là:

a. Tứ diệu đế (caturāriya saccāni)

b. Bát thánh đạo (ariya attangika maggā)

c. Lý duyên khởi (paticcasamudpāda)

d. Giáo lý về nghiệp - tất cả các hành động có chủ ý đạo đức và vô đạo đức tạo ra các nghiệp báo.

e. Ba đặc điểm chung của hiện tượng có điều kiện (sankhata dhama) - bản chất nhất thời (vô thường - anccā), bản chất của sự không tương hợp (khổ - dukkha) và không có linh hồn vĩnh viễn (vô ngã - annattā)

iii. Liên quan đến mật mã của đệ tử (vinaya), Mahāyānist đã không phát triển phiên bản riêng của họ. Họ theo vinaya pitaka của Dharmaguptaka, đó là một tiểu giáo phái của Sthaviravāda (Theravāda). Vì vậy, mật mã của đệ tử (vinaya) của hai giáo phái rất giống nhau, trong khi Theravāda vinaya pitaka chứa 227 quy tắc, Mahāyāna có 250 quy tắc, sự khác biệt chỉ là số lượng sekhiya, như 10 lời nguyện Bồ-tát, ăn chay bắt buộc. Theo cuốn nhật ký của du khách Trung Quốc I Ching (635-713), không có sự khác biệt đáng kể nào trong lối sống của các tu sĩ Theravāda và Mahāyāna thời bấy giờ với năm loại tội lỗi, được gắn liền với Noble Truths. Những người tôn thờ các vị Bồ-tát và đọc Mahāpāna sūtra-s được biết đến như những người theo đạo Mahāyānist, những người này không phải là những người theo kiểu Hin.

Mặc dù có một số khác biệt giữa hai truyền thống, nhưng chúng ta có nhiều điểm chung hơn. Cả hai truyền thống đều chia sẻ những giáo lý căn bản của Đức Phật. Việc giải thích giáo lý khác nhau không nhất thiết ngụ ý rằng chúng đã lệch khỏi giáo pháp gốc có thể được trình bày theo nhiều cách khác nhau. Nhiều cách trình bày giáo pháp khác nhau được khuyến khích trong các cuộc tranh luận Phật giáo thời kỳ đầu. Ví dụ, bài kinh Bahuvēdānīya của Majjhimanik kể lại nhiều cách phân tích cảm xúc khác nhau. Trong bài luận của Dhamma không phải là sự mô tả, trong bài kinh Alagaddūpama của Majjhimanik không dành cho con cháu (gahanatthāya), nhưng nhận ra bản chất của Pháp (nittharanatthāya). Do đó, miễn là tinh thần của Phật giáo được quan tâm, cả hai truyền thống là thống nhất. Sự khác biệt chỉ có trong mô tả của nó. Thật không may là có quá nhiều sự hiểu lầm giữa những người theo truyền thống vĩ đại của Phật giáo. Sự hiểu lầm này dẫn đến chủ nghĩa địa phương và hợp tác, Phật giáo có thể không thể đóng một vai trò quan trọng trong thế giới hiện đại.

4. KẾT LUẬN

Vấn đề của chủ nghĩa độc quyền và chủ nghĩa địa phương phát sinh do thiếu sự giáo dục và việc giao tiếp. Hệ thống giáo dục tu viện Phật giáo đã lỗi thời và nền giáo dục chương trình giảng dạy không đào tạo thành viên tu sĩ đúng cách để truyền tải được hết tinh hoa của Giáo pháp và các giáo lý phù hợp của Giáo pháp. Quá tập trung vào các hình thức bên ngoài của Phật giáo được nhấn mạnh. Bhikkhu Bodhi phản ánh chính xác rằng:

“Nếu người ta đem so sánh hệ thống hướng dẫn trong các tu viện Phật giáo với chương trình giảng dạy của các chủng viện Kitô giáo, sẽ dễ dàng nhận ra sự chênh lệch. Trong các cuộc hội thảo, các linh mục và nữ tu tương lai được đào tạo, không chỉ về tiếng Latin, thuyết thần học và kinh điển cũng nằm trong tất cả các lĩnh vực của kiến thức hiện đại, đó là thứ họ sẽ cần để đóng một vai trò hàng đầu trong thế giới ngày nay, bao gồm các nghiên cứu quan trọng và so sánh về tôn giáo. Bên trong các trường cao đẳng tu viện hoặc các trường phái tu viện Phật giáo, cho đến nay tôi có thể thấy các nhà sư trẻ (không phải nữ tu) được đào tạo để trở thành linh mục của vùng có khả năng bảo tồn tôn giáo văn hóa, đây là điều không khác lắm so với thế kỷ XVI.

Để giải quyết vấn đề độc quyền và chủ nghĩa địa phương, chúng ta cần thay đổi chương trình giảng dạy của hệ thống giáo dục tu viện. Nó nên bao gồm thêm các môn như triết học, tâm lý học, so sánh tôn giáo, lịch sử, văn học và ngôn ngữ hiện đại v.v... Nên cần nhấn mạnh vào việc nghiên cứu các bài giảng Phật giáo, bối cảnh và sự phát triển lịch sử và giáo lý của các truyền thống Phật giáo khác nhau. Cần nhiều hơn nữa sự đối thoại về giáo dục giữa những người theo truyền thống Mahāyāna và Phật giáo Nguyên thủy, chẳng hạn như thông qua các hội nghị về lịch sử và giáo lý phát triển hai truyền thống, có thể giúp giải quyết vấn đề này. Nếu những vấn đề này không giải quyết, nó sẽ đặt ra một mối đe dọa cho sự bền vững của giáo pháp trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nguồn chính

Morris R., Hardy E., Hunt M. và Rhys Davids C.A.F., biên tập bởi (1888-1995). *Āṅguttaranikāya* tập. I-V. London: Hiệp hội văn bản Pali.

Rhys Davids T.W., Carpenter J.E. 1889-2007 biên soạn, *Dī Afghanistanikāya*, tập. I-III. . London: Hội văn bản Pali.

Trenckner V., Chalmers R., Yamazaki và Ousaka, biên tập, *Majjhimanikāya* tập. I-IV.

Y. 1888-2006. London: Hiệp hội văn bản Pali.

Rhys Davids C.A.F. và Somaratne G.A. 1884–2006. *Samyuttanikāya*, Tập. I-VI. Luân Đôn: Hội văn bản Pali.

Nguồn thứ cấp

Bhikkhu Bodhi (2002) *Đối mặt với tương lai: Bốn bài luận về sự liên quan xã hội của Phật giáo*, Sri Lanka: Hội Xuất bản Phật giáo.

Dhammjoti Bhikkhu KL (2011) “ *Từ Abhidharma đến Mahāyāna: Nhận xét về đầu*

Học thuyết Abhidharma của 3 yāna-s: Tạp chí Nghiên cứu Phật giáo, tập 9, Sri Lanka: Trung tâm nghiên cứu Phật giáo.

(2015) *Đọc các văn bản tiếng Phạn của Phật giáo: Hướng dẫn ngữ pháp tiểu học*, Hồng Kông: Phật- Trung tâm Phật pháp Hồng Kông

Edward Conze (tr.) (1975) *Sự hoàn hảo của trí tuệ trong tám nghìn dòng chữ & câu thơ của nó được*

tóm tắt, California: Four Seasons Foundation Bolinas,

(2008) *Phật giáo: Lịch sử ngắn*, Oxford: Ấn phẩm Một thế giới.

Edward Conze, Arthur Waley (2007) *Phật giáo: Sự phát triển bản chất của nó* Kessinger .Xuất bản bởi LLC.

- Karunadasa, Y (2013) *Giáo lý Phật giáo sớm: Vị trí trung gian trong lý thuyết và Thực hành*, Hồng Kông: Trung tâm nghiên cứu Phật giáo, Đại học Hồng Kông.
- Kimura Ryuhan (1927) *Một nghiên cứu lịch sử về các điều khoản của Hinayāna và Mahāyāna và Nguồn gốc của Phật giáo Mahāyāna*, Kalkata: Đại học Calcutta.
- Hammer Neils (1999) *Tâm quan trọng của triết học châu Á của Tiểu thừa và đại thừa*, -tập. 9, số 2: 135-145.
- Nattier Jan (2003), *Con đường Bồ tát: dựa trên Ugraparipṛcchā a Mahāyāna Sūtra*, Delhi: Nhà xuất bản Motilal Banarsidass.
- Skilling Peter (2010) *Bản xác thực Kinh điển và các trường học Śrāvaka: Một tiểu luận hướng tới một quan điểm Ấn Độ*. Phật giáo phương Đông 41/2: 2-47. Xã hội Phật giáo phương Đông.